

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2020/DS - PT

Ngày: 11/5/2020

V/v “tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2020/TLPT- DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2019/DS – ST ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2020/QĐ – PT ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Võ Minh H, sinh năm: 1950;

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Võ Minh H1, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền đề ngày 12/6/2018) (có mặt)

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Hoàng Văn S – Văn phòng luật sư V, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Võ Minh C, sinh năm: 1957; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C:* Luật sư Lê Văn L – Văn phòng luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Thị N, sinh năm: 1961;
2. Võ Lê Hương G, sinh năm: 1982;
3. Võ Lê Quốc T, sinh năm: 1984;

Cùng địa chỉ: Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà N, chị G, anh T:* Ông Võ Minh C. (Văn bản ủy quyền các ngày 18/5/2018, 12/4/2019)

4. Võ Thị Đ, sinh năm: 1949;
5. Võ Thị Nguyệt T1, sinh năm: 1982;
6. Võ Minh H1, sinh năm: 1984;
7. Võ Thị Hồng T2, sinh năm: 1990;

Cùng địa chỉ: Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, chị T1, chị T2:* Anh Võ Minh H1. (Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2018)

8. Võ Thị X, sinh năm: 1937; (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

9. Võ Thị H2, sinh năm: 1944; (xin xét xử vắng mặt)
10. Võ Văn Đ1, sinh năm: 1948; (xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Bình Chiến, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

11. Ngô Văn H3, sinh năm: 1964; (xin xét xử vắng mặt)
12. Võ Thị Hoài T3, sinh năm: 1968;

Cùng địa chỉ: Số nhà 223, Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà T3:* Ông Ngô Văn H3.

13. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện

B

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tham gia tố tụng:* Ông Cao Xuân K – Chức vụ phó giám đốc Ngân hàng (Theo Giấy ủy quyền số 135/UQ-NHNo.BĐ-TH ngày 07/5/2020) (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Võ Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Minh H trình bày:

Theo tờ thỏa thuận xác định ranh giới đất thổ cư đề ngày 13/4/1999 thì các anh chị em trong gia đình cùng với ông Võ Minh C đã đồng ý chuyển cho ông 01 phần diện tích đất có chiều ngang 1,5 mét, chiều dài đến lộ sau Võ Thị Phò 32 mét, diện tích 48 m² thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 43 tọa lạc thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Đất có nguồn gốc của cha mẹ để lại. Đất ông thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 43 liền ranh với đất của ông C. Thửa đất này ông được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21/12/2005 diện tích 178,5 m² ông có cất 01 ngôi nhà trên thửa đất này và 01 phần diện tích đất thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 43 có chiều ngang 08 mét, chiều dài 15 mét, diện tích 120 m² ông C đứng tên do ông C chỉ đo đạc không đúng vị trí đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cả phần đất ông đang sử dụng. Ông phát hiện có nói với ông C thì ông C có thỏa thuận với ông là sẽ trả lại ông phần diện tích đất này và làm thủ tục chuyển quyền cho ông nhưng ông C hứa nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện.

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Võ Minh C phải trả lại cho ông diện tích đất là 168 m² trong đó: 120 m² (Chiều ngang 08 mét, chiều dài 15 mét) phần đất ông C chỉ dẫn đo đạc sai nhập vào đất ông C và 48 m² (Chiều ngang 1,5 mét, chiều dài 32 mét) thuộc 01 phần thửa đất số 51, tờ bản đồ số 43 ông C đang đứng tên.

Ngày 20/11/2019, ông Võ Minh H có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Ông H khởi kiện ông Võ Minh C cùng vợ con là Lê Thị N, chị Võ Lê Hương G, anh Võ Lê Quốc T phải trả lại cho ông diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 164.5 m² thuộc 01 phần thửa đất số 51, tờ bản đồ số 43 ông C đang đứng tên sở hữu.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Võ Minh C trình bày:

Ông là em ruột ông H (Em út). Ông đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 51, tờ bản đồ số 43 diện tích 964.3 m² cấp ngày 12/4/2005. Đất này có nguồn gốc là của cha mẹ để lại cho ông. Đất ông H thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 43, giáp ranh với đất của ông. Đất của ông H đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H có xây dựng 01 ngôi nhà tường kiên cố trên thửa đất của ông H và 01 phần thửa đất số 51, tờ bản đồ số 43 thuộc quyền sở hữu của hộ, ông đại diện đứng tên. Ông không có kiện phản tố đối với phần đất ông H đã chiếm xây nhà. Ông đồng ý cho và làm thủ tục chuyển quyền phần diện tích đất này

cho ông H theo kết quả đo đạc thực tế nhưng do hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đang thế chấp vay vốn ở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện B nên ông không làm thủ tục chuyển quyền được cho ông H. Riêng phần đất ông H khởi kiện có chiều ngang 1,5 mét, chiều dài đến lộ sau Võ Thị Phò 32 mét, diện tích 48 m² thuộc 01 phần thửa đất số 51, tờ bản đồ số 43 tọa lạc thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre ông không đồng ý vì đất này thuộc quyền sở hữu của hộ ông, phía sau ông có làm 01 cổng để đi chung ra đường Võ Thị Phò phía sau cho thuận tiện, cổng ông làm cho ông H đi chung, không phải là lối đi riêng, nhà ông H đối diện quốc lộ 57B. Ông H khởi kiện lấy lại diện tích đất này ông hoàn toàn không đồng ý.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn H3 cũng là người được bà Võ Thị Hoài T3 ủy quyền trình bày:

Ông Võ Minh H và Võ Minh C là chú vợ của ông. Đất vợ ông là Võ Thị Hoài T3 đứng tên sở hữu thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại thị trấn B cấp ngày 16/6/2006. Đất của vợ chồng ông giáp ranh với đất ông Võ Minh H (Phía trước giáp lộ 57B) và giáp đất ông C phía sau giáp đường Võ Thị Phò. Đất của vợ chồng ông giáp ranh với đất ông H, ông C đã có ranh hiện hữu cắm sẵn trên thực địa. Ông có xây trên đất của ông C 01 nhà kho để vợ chồng ông chứa hàng buôn bán. Ông không có thuê đất của Cường mà ông C cho vợ chồng ông xây nhà kho để che nắng. Sau này ông không sử dụng nhà kho này thì ông để lại cho ông C sử dụng. Hiện nay giữa ông H và ông C tranh chấp đất có dính 01 phần nhà kho chứa hàng của vợ chồng ông. Ông không có khởi kiện hay yêu cầu gì để tự thỏa thuận. Phần đất đang tranh chấp giữa ông H và ông C đã có đo đạc và thể hiện trên họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 05/12/2018, ông đã nhận được họa đồ hiện trạng sử dụng đất tranh chấp. Ông H và ông C có chỉ ranh để đo đạc có chỉ qua đất của vợ chồng ông thửa đất số 48, tờ bản đồ số 43 diện tích là 36.7 m². Ông không có yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này. Do vợ chồng ông buôn bán bận nhiều việc nên ông yêu cầu giải quyết vắng mặt vợ chồng ông trong các lần hòa giải, mở phiên họp công bố chứng cứ và xét xử trong vụ án theo quy định.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D1 trình bày:

Ông là anh ruột thứ 5 của ông Võ Minh H và Võ Minh C. Việc tranh chấp đất giữa ông H và ông C ông có biết. Tờ thỏa thuận xác định ranh giới đất thổ cư đề ngày 13/4/1999 và giấy thỏa thuận gia đình ngày 09/6/2006 ông có ký tên. Lý do có lập 02 tờ giấy này là do cha mẹ chết, đất cha mẹ để lại nhưng không có di chúc cho ai. Do đó, các anh chị em lập 02 tờ giấy trên là để xác định ranh giới đất của mỗi người để không tranh chấp sau này. Thời điểm lập 02 tờ giấy này thì đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có nhà ông H, ông C trên đất. Đất ông C có đường đi ra lộ sau. Ông H, ông C khi được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không nghe

các bên có khiếu nại hay tranh chấp gì. Hiện nay ông H khởi kiện ông C trả đất ra lộ sau là không hợp lý mà để dùng đi chung cho 02 anh em Hùng và Cường. Ông yêu cầu giải quyết vắng mặt trong các lần hòa giải, mở phiên họp công bố chứng cứ và xét xử trong vụ án theo quy định.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H2 trình bày:

Bà là chị ruột thứ 4 của ông Võ Minh H và Võ Minh C. Việc tranh chấp đất giữa ông H và ông C bà có biết. Bà có khuyên nhiều lần nhưng không có kết quả. Bà có nghe nói giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp có chênh lệch vì có đưa bà xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà có nghe ông C nói là để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Ngân hàng ra sẽ điều chỉnh lại cho ông H nhưng ông H đi khởi kiện. Tờ thỏa thuận xác định ranh giới đất thổ cư đề ngày 13/4/1999 và giấy thỏa thuận gia đình ngày 09/6/2006 bà có đọc và ký tên. Lý do có lập 02 tờ giấy này là do cha mẹ chết, đất cha mẹ để lại nhưng không có di chúc cho ai. Do đó, các anh chị em lập 02 tờ giấy trên là để xác định ranh giới đất của mỗi người để không tranh chấp sau này. Đất ông H và ông C giáp ranh nhau. Hiện nay ông H khởi kiện ông C trả đất ra lộ sau là không hợp lý mà để cho anh em cùng đi ra lộ sau. Bà yêu cầu giải quyết vắng mặt trong các lần hòa giải, mở phiên họp công bố chứng cứ và xét xử trong vụ án theo quy định.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị X trình bày:

Bà là chị ruột thứ 3 của ông Võ Minh H và Võ Minh C. Việc tranh chấp đất giữa ông H và ông C bà có biết. Bà có ký vào tờ giấy thỏa thuận. Đất tranh chấp có lối đi ra phía lộ sau, ông H, ông C đi chung nằm sau đất ông C. Bà có khuyên nhiều lần nhưng không có kết quả, lối đi ra lộ sau không phải của ông H mà dùng để đi chung cho ông H và ông C. Bà yêu cầu giải quyết vắng mặt trong các lần hòa giải, mở phiên họp công bố chứng cứ và xét xử trong vụ án theo quy định.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2019/DS – ST ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Minh H đối với bị đơn ông Võ Minh C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N, chị Võ Lê Hương G, anh Võ Lê Quốc T về việc đòi quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất số 51, tờ bản đồ số 43 tọa lạc tại Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 05/12/2018).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/12/2019 ông Võ Minh H kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu chấp nhận khởi kiện của ông, buộc ông C phải có nghĩa vụ điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để trừ ra diện tích qua đo đạc thực tế là 164,5 m². Trong đó có 123,7 m² ông H đang sử dụng để cất nhà ở và lối đi diện tích 40,8 m² mà ông C đang sử dụng để trồng cây.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn đang trực tiếp sử dụng để làm nhà ở vì phần đất này nguyên đơn đã đổi 01 mét ngang phần giáp Quốc lộ 57B với bị đơn. Đề nghị công nhận để nguyên đơn điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về lối đi ra lộ Võ Thị Phò thì đề nghị công nhận lối đi này cho phía nguyên đơn theo tờ thỏa thuận năm 1999.

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn về lối đi, phần lối đi này hiện nay vẫn làm lối đi chung và bị đơn đã được cấp quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn đồng ý tách quyền sử dụng đất cho nguyên đơn phần diện tích 123,7 m² mà nguyên đơn đang sử dụng để cất nhà ở. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H, hủy và đình chỉ giải quyết vụ án phần diện tích 123,7 m² mà nguyên đơn đang sử dụng để cất nhà ở vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, giữ nguyên các phần còn lại của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về diện tích 123,7 m²: Ông H khởi kiện yêu cầu hộ ông C trả lại 01 phần diện tích đất là 123,7 m² thể hiện ở các điểm B, C, D, C', B', A', X, S, B được biểu thị ở các thửa 51-1 diện tích 32,4 m², 51-2 diện tích 88,3 m², 48-2 diện tích 3,0 m². Phần đất ông H chỉ ranh lấn qua một phần thửa đất của ông Ngô Văn H3 và bà Võ Thị Hoài T3 diện tích 6,3 m² được biểu thị ở các thửa 48-1 diện tích 3,3 m², 48-2 diện tích 3,0 m², ông H3 và bà T3 không có yêu cầu giải quyết nên ghi nhận. Riêng diện tích đất 120,7 m² được biểu thị ở các thửa 51-1 diện tích 32,4 m², 51-2 diện tích 88,3 m² thuộc tờ bản đồ số 43 thực tế ông H cùng gia đình đã xây nhà trên diện tích đất này. Ông H cho rằng ông xây nhà trên đất của ông và khi lập hồ sơ để cấp quyền sử dụng đất, ông C đã tự ý chỉ ranh mà ông không biết. Tuy nhiên, tại Biên bản xác định ranh giới thửa đất số 47 của ông Võ Minh H, ông H có ký tên chủ sử dụng, ông C và bà T3 có ký tên các chủ

sử dụng tiếp giáp. Như vậy, ông H đã thừa nhận ranh giới giữa thửa 47 và 51 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ ông H và hộ ông C năm 2005. Từ lúc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H cũng không có khiếu nại về diện tích đất được cấp. Hơn nữa, hiện nay ông H là người đang quản lý, sử dụng đất mà không phải hộ ông C, thửa đất 48-2 là thuộc quyền sở hữu của ông H3, bà T3, không phải thuộc sở hữu của hộ ông C. Ông C không có yêu cầu phản tố và ông cũng đồng ý để cho ông H tiếp tục sử dụng. Ông C cũng đồng ý làm thủ tục chuyển quyền phần diện tích đất này cho ông H nhưng do ông C và gia đình hiện nay đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện B nên ông chưa làm thủ tục chuyển quyền 01 phần diện tích đất thuộc sở hữu của hộ ông C cho ông H được. Đây là sự thỏa thuận giữa các bên nhưng liên quan đến tài sản đang thế chấp nên cấp sơ thẩm không xét đến là phù hợp. Đáng lẽ ra cấp sơ thẩm trả lại đơn khởi kiện hoặc đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này của ông H vì không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về hủy và đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này của ông H là phù hợp.

[2] *Về lối đi diện tích 48 m²*: Các bên đương sự thống nhất nguồn gốc đất thửa 47 và thửa 51, tờ bản đồ số 43, thị trấn B, huyện B là của cha mẹ để lại cho ông H và ông C. Khi cha mẹ chết không để lại di chúc, anh em trong nhà tự phân chia đất với nhau. Theo ông H, các anh chị em trong gia đình cùng với ông Võ Minh C đã đồng ý chuyển cho ông 01 phần diện tích đất có chiều ngang 1,5 mét, chiều dài đến lộ sau Võ Thị Phò 32 mét, diện tích 48 m² thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 43 tọa lạc thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre để ông làm đường đi ra lộ Võ Thị Phò thể hiện tại “Tờ thỏa thuận xác định ranh giới đất thổ cư” đề ngày 13/4/1999. Qua xem xét tờ thỏa thuận nêu trên có nội dung xác định ranh giới giữa ông H và ông C, không phải tờ thỏa thuận ông C cho đất ông H như ông H trình bày. Ông H cho rằng ông C cho đất để làm đường đi ra phía sau đường Võ Thị Phò nhưng khi kê khai, đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/12/2005 (sau thời điểm lập tờ thỏa thuận ngày 13/4/1999) ông H không kê khai đất phần đất này. Phần lối đi được thể hiện ở các điểm D, E, F, B', C', D diện tích 40,8 m² biểu thị ở các thửa 48-3 diện tích 30,1 m², 51-4 diện tích 10,7 m² thuộc quyền sở hữu của hộ ông C và của vợ chồng ông H3, bà T3. Ông H3, bà T3 không yêu cầu đối với diện tích đất mà ông H đã chỉ ranh khi đo đạc nên ghi nhận. Mục đích ông H yêu cầu ông C trả cho ông diện tích này là để sử dụng làm lối đi, tuy nhiên nhà ông H cập với quốc lộ 57B. Phần phía sau giáp đường Võ Thị Phò, ông C có làm 01 cổng chung cho gia đình ông H và gia đình ông C đi để thuận tiện, gia đình ông H có sử dụng cửa đi này để đi ra đường Võ Thị Phò, ông H thừa nhận điều này. Ông C làm cửa đi này là để đi chung nội bộ gia đình. Ông C cho rằng ông không có cho đất như ông H đã nêu. Lời khai này của ông C phù hợp với lời khai của những chị em trong gia đình là bà Võ Thị H2, bà Võ Thị X, ông Võ Văn Đ1. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu hộ ông C phải trả lại cho ông diện tích đất 40.8 m² thể hiện ở các điểm D, E, F, B', C',

D được biểu thị ở các thửa 48-3 diện tích 30.1 m², 51-4 diện tích 10.7 m² là không có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận, giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông H là người cao tuổi, không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Minh H.

Hủy và đình chỉ giải quyết một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2019/DS – ST ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B về việc tranh chấp diện tích 123,7 m² của ông Võ Minh H. Giữ nguyên các phần còn lại của bản án.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào Điều 163, 165, 166, khoản 3 Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Võ Minh H về việc yêu cầu bị đơn ông Võ Minh C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N, chị Võ Lê Hương G, anh Võ Lê Quốc T trả lại diện tích 123,7 m² thuộc một phần thửa 48, 51 cùng tờ bản đồ số 43 tọa lạc tại ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Minh H đối với bị đơn ông Võ Minh C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N, chị Võ Lê Hương G, anh Võ Lê Quốc T về việc đòi quyền sử dụng đất diện tích 40,8 m² thuộc một phần thửa đất số 48, 51 cùng tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 05/12/2018).

2. Chi phí tố tụng:

Ông Võ Minh H phải chịu 5.403.000 đồng (năm triệu bốn trăm lẻ ba nghìn đồng) đã nộp và quyết toán xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Minh H miễn nộp án phí. Hoàn trả lại cho ông Võ Minh H 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006256 ngày 13/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Minh H được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng